

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 20 /2019/DS-ST

Ngày: 29 – 10 - 2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Trúc và bà Nguyễn Thị Kim Dung
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 70/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - sinh năm 1973.

Địa chỉ: Đội 2, xã Đông M, huyện Đông S, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Đồng Kh, xã Hợp Th, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2019 và bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 15/5/2018(Âm lịch) chị và chị Nguyễn Thị N ở Thôn Đồng Kh, xã Hợp Th, huyện T, tỉnh T đã chốt và ký vào giấy vay nhận tiền với số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Số tiền trên chị L cho chị Ng vay thành hai lần (lần thứ nhất cho vay 20.000.000đ, hai bên không viết giấy vay nợ, lần thứ hai vay vào ngày 15/8/2018 hai bên mới chốt và ký vào giấy vay nợ). Hai bên thỏa thuận vay không tính lãi suất, thời hạn vay 3 tháng, hẹn đến ngày 15/8/2018 (âm lịch) chị Ng sẽ trả đầy đủ số tiền trên. Nhưng kể từ ngày đến hạn trả nợ cho đến nay, chị Ng chưa trả được đồng nào cho chị L. Nay chị L yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho chị số tiền cụ thể như sau:

- Tiền gốc : 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

- Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/9/2019 là 70.000.000đ x 1% x 12 tháng = 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 78.400.000đ (Bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi suất cho đến khi chị Ng trả xong khoản tiền nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Chị vay của chị L tổng số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng), số tiền vay trên chị không bàn bạc với chồng, con, đây là khoản tiền chị vay riêng, mục đích là vay hộ cho bạn của chị, số tiền trên chị không nhận một lần mà nhận thành 3 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Tháng 2 năm 2017 chị vay của chị L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Khi vay chị L cắt lãi 1.200.000đ, nên thực tế chị chỉ nhận được 18.800.000đ (Muoi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Kể từ tháng tiếp theo chị Ng phải trả lãi trên số tiền vay với lãi suất tính bằng 2000đ/1 triệu/ ngày cho chị L.

- Lần 2: Tháng 4 năm 2017 chị L tiếp tục cho chị vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Chị L lại tiếp tục cắt lãi 1.200.000đ cộng với lãi của số tiền vay trước chị chưa trả là 3.000.000đ. Tổng chị L cắt lãi số tiền 4.200.000. Chị Ng chỉ thực nhận là 15.800.000đ (Muoi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Tiền lãi hai bên vẫn thỏa thuận bằng 2000đ/1 triệu/ ngày.

- Lần 3: Ngày 15/8/2018 âm Lịch chị L tiếp tục cho chị Ng vay số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lãi suất vẫn bằng 2000đ/1 triệu/ ngày. Chị L tiếp tục cắt lãi số vay và thu tiền lãi của số tiền vay trước. Sau khi trừ đi lãi suất, chị Ng chỉ được nhận số tiền là 23.400.000đ

Tổng thực tế chị Ng chỉ được nhận số tiền vay sau khi chị L cắt lãi là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng). Khi vay không viết giấy vay nợ, cho đến ngày 15/5/2018 thì hai bên mới cộng ba lần vay nợ trên và viết dồn vào một giấy vay nợ, hai bên thỏa thuận viết số tiền chị Ng thực nhận là 70.000.000đ, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, không viết vào giấy vay nợ. Giấy vay nợ là do chị Ng viết.

Nay chị L yêu cầu Tòa án buộc chị phải trả số tiền gốc 70.000.000đ và phải chịu lãi suất 1%/ tháng từ ngày 01/9/2018 cho đến khi trả xong khoản tiền gốc, chị Ng không đồng ý. Chị Ng cho rằng chị L cho vay lãi quá cao, trong số 70.000.000đ tiền nợ trên, chị Ng chỉ thực nhận 58.000.000đ, còn lại 12.000.000đ chị đã phải cắt khoản nợ lãi trước khi nhận tiền và chị Ng đã tiếp tục trả lãi hàng tháng kể từ khi nhận số tiền trên. Vì chị Ng là người trực tiếp vay nợ, nên chị chỉ đồng ý trả số tiền còn lại sau khi trừ đi các khoản vay nặng lãi trên cho chị L.

Toà án có yêu cầu chị Ng cung cấp chứng cứ về việc chị L cho vay lãi cao. Nhưng chị Ng không có chứng cứ gì để nộp cho Toà án.

Phương án trả nợ và số tiền phải trả cụ thể hàng tháng của chị Nga như sau: Mỗi tháng trả 960.000đ cho đến khi hết số nợ gốc trên, không đồng ý trả lãi 1%/ tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện chị Nguyễn Thị Nga về việc “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản” . Vì vậy căn cứ vào quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 15/5/2018 (âm lịch) Chị Lê Thị L và chị Nguyễn Thị Ng chốt số tiền vay 70.000.000đ hạn đến ngày 15/8/2018 (âm lịch) sẽ trả, vay không tính lãi suất, việc thỏa thuận giữa hai chị được thể hiện tại giấy viết tay có chữ ký của bên nhận tiền và bên giao tiền, chị L và chị Ng đều thừa nhận chữ ký trên là của mình, việc giao dịch vay nợ là do các bên tự nguyện. Như vậy yêu cầu của chị L có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc trả số tiền nợ gốc và chấp nhận một phần số tiền lãi.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Nguyễn Thị Ng vay của chị Lê Thị L số tiền 70.000.000đ, thời hạn trả nợ ngày 15/8/2018. Đến nay quá thời hạn trả nợ, chị Ng vẫn chưa trả cho chị L được số tiền nào, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy có căn cứ để Hội đồng xử chấp nhận buộc chị Ng phải trả cho chị L số tiền cụ thể tính đến ngày 29 tháng 10 năm 2019 như sau:

- Tiền gốc : 70.000.000đ

- Tiền lãi tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 29/10/2019(dương lịch):

$70.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 8.095.000đ$

Tổng cộng số tiền chị Nguyễn Thị Ng phải trả cả gốc và lãi đến ngày 29/10/2019 là : 78.095.000đ (bảy mươi tám triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn)

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm c, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L về việc trả nợ gốc, chấp nhận một phần yêu cầu về việc trả nợ lãi.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Ng phải có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị L số tiền cụ thể như sau:

- Tiền gốc : 70.000.000đ
- Tiền lãi tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 29/10/2019(dương lịch): 70.000.000đ x 0,83%/ tháng x 13 tháng 28 ngày = 8.095.000đ

Tổng cộng số tiền chị Nguyễn Thị Ng phải trả cả gốc và lãi đến ngày 29/10/2019 là : 78.095.000đ (bảy mươi tám triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hằng tháng chị Nguyễn Thị Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.904.000đ
Trả lại cho chị Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0003705 ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng)

5.Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

